

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA  
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

**BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
THÁNG 4 NĂM 2026  
PHẠM VI: TỈNH ĐỒNG NAI**

TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO  
TÀI NGUYÊN NƯỚC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**ĐẶNG TRẦN TRUNG**

NĂM 2026

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>3</b>
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo .....	3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo .....	3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất .....	3
1.2.2. Mực nước dưới đất.....	3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất.....	8
<b>II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC .....</b>	<b>9</b>
2.1. Dự báo tài nguyên nước dưới đất .....	9
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh).....	9
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp <sub>2-3</sub> ) .....	9
2.1.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp <sub>1</sub> ) .....	10
2.1.4. Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n <sub>2</sub> <sup>2</sup> ).....	10
2.1.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan (B/n-q).....	11
2.1.6. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms).....	12
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất .....	13
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất.....	13
<b>III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>13</b>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất tháng tỉnh Đồng Nai được biên soạn hàng tháng để cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất phục vụ mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định của Pháp luật.

Đồng Nai là một tỉnh thuộc lưu vực sông Đồng Nai có diện tích tự nhiên khoảng 12.737,2km<sup>2</sup>. Mùa mưa thường từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

Nội dung chính của bản tin bao gồm:

Thông báo mực nước dưới đất tháng 3, chất lượng nước mùa mưa năm 2025 và dự báo mực nước dưới đất tháng 4, tháng 5 năm 2026 tại các tầng chứa nước. Đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng trong phạm vi 15 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất, do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành. Trong bản tin này, tài nguyên nước dưới đất trong tỉnh được dự báo cho 6 tầng chứa nước.

### 1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

#### 1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

Nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp<sub>2-3</sub>), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp<sub>1</sub>), tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n<sub>2</sub><sup>2</sup>), tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan (B/n-q) và tầng chứa nước khe nứt trong các đá Kainozoi (ms-ps). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: tầng chứa nước qh là 33.311m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp<sub>3</sub> là 15.127m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp<sub>2-3</sub> là 25.962m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp<sub>1</sub> là 54.502m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước n<sub>2</sub><sup>2</sup> là 656.004m<sup>3</sup>/ngày.

#### 1.2.2. Mực nước dưới đất

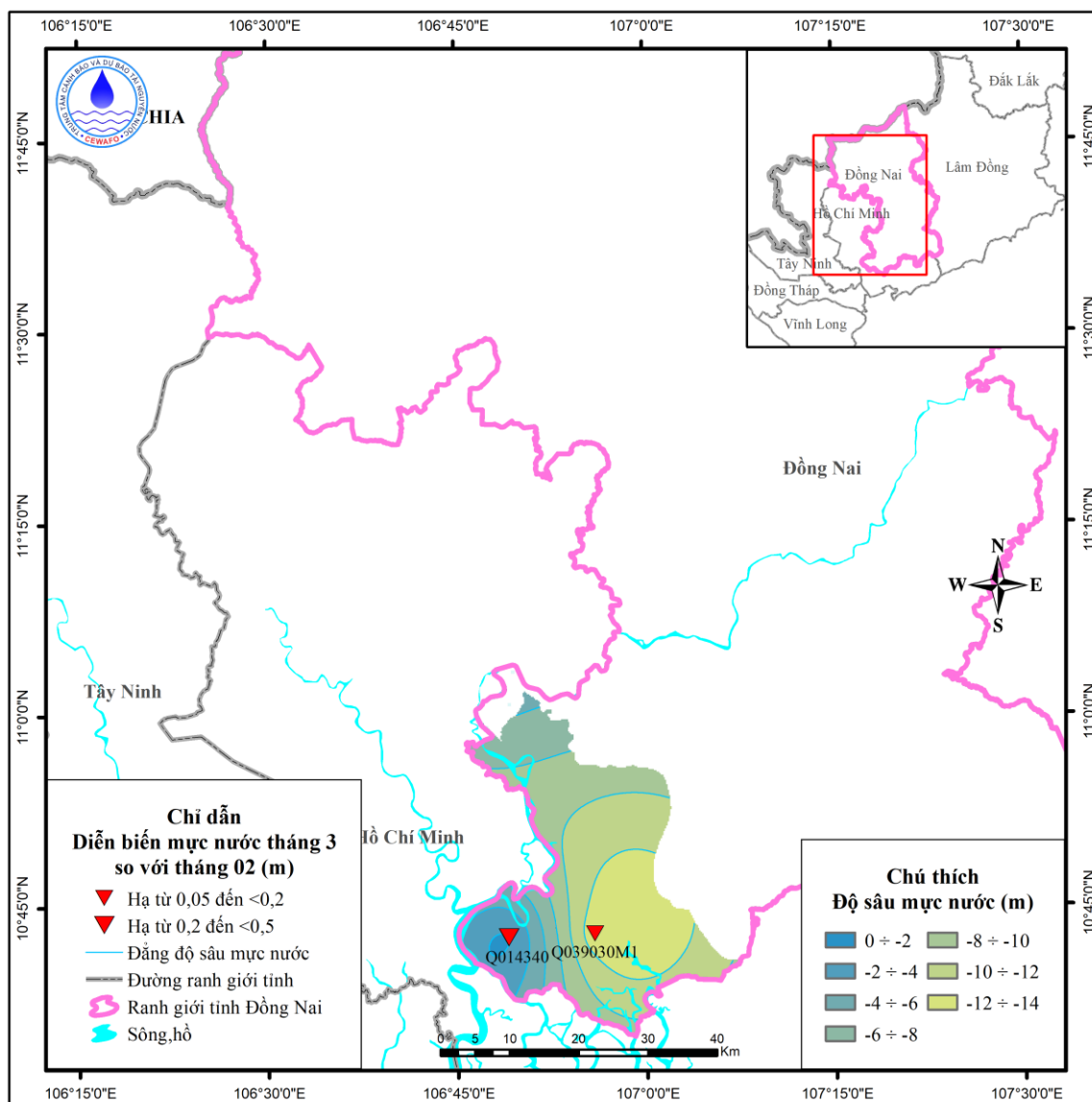
##### a) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại công trình Q014020 thuộc xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai mực nước trung bình tháng 3 hạ 0,22m so với tháng 02.

##### b) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp<sub>2-3</sub>)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 so với tháng 02 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,26m tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai (Q014340).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,99m tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai (Q014340) và sâu nhất là -13,02m tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q039030M1).



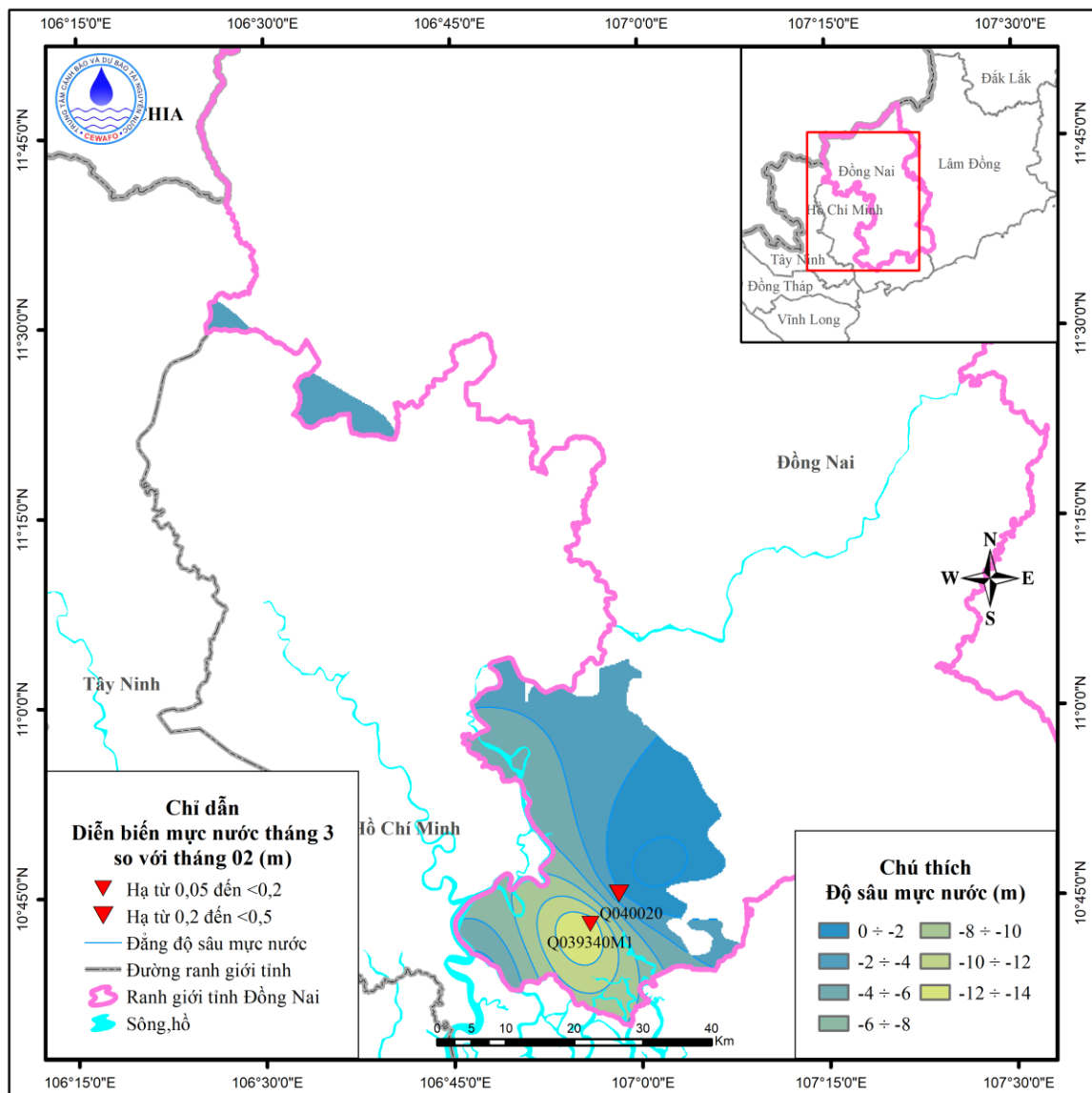
Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng  $qp_{2-3}$

c) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới ( $qp_1$ )

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 so với tháng 02 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,21m tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,35m tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020) và sâu nhất là -13,24m tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q039340M1).

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc lưu lượng điểm lộ tại công trình Q038030 thuộc xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai lưu lượng trung bình tháng 3 là: 5,231/s giảm 0,061/s so với tháng 02 có lưu lượng trung bình là 5,291/s.

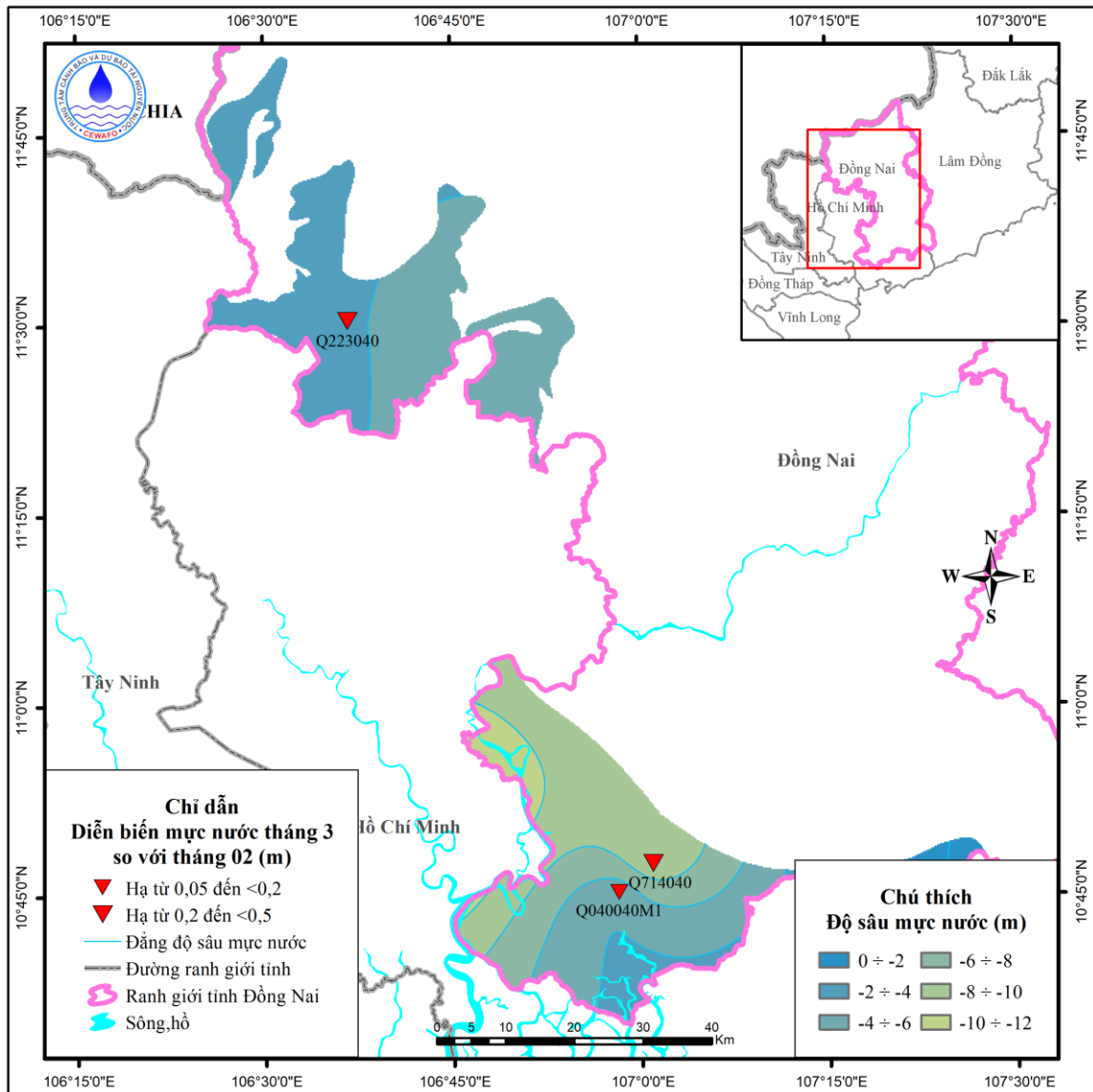


Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng  $q_1$

d) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa ( $n_2^2$ )

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 so với tháng 02 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,23m tại xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai (Q223040).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,88m tại xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai (Q223040) và sâu nhất là -9,2m tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q714040).

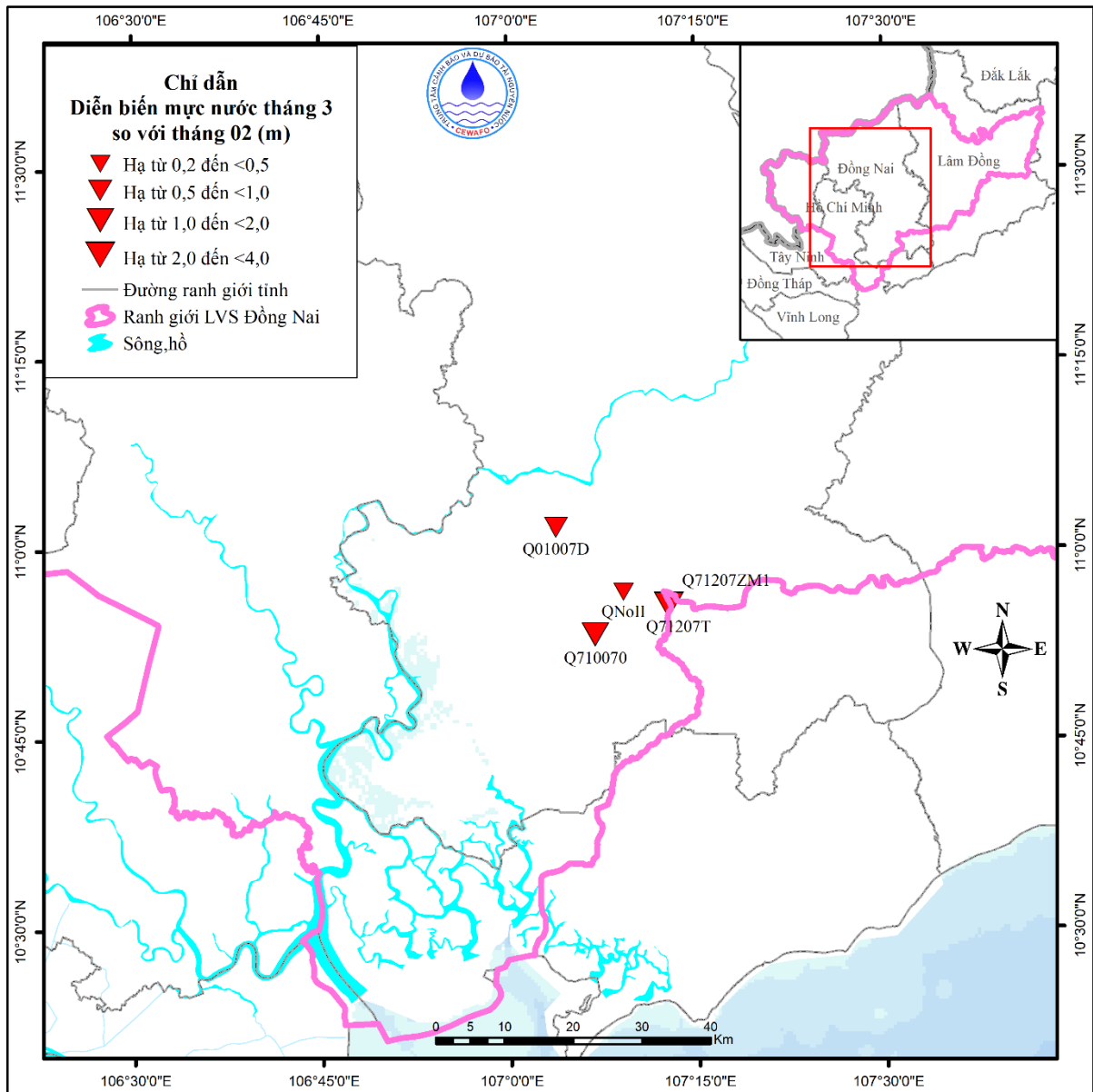


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng  $n_2^2$

e) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan (B/n-q)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 3 so với tháng 02 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 2,43m tại Phường Xuân Lập, tỉnh Đồng Nai (Q71207ZM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,37m tại xã Bàu Hàm, tỉnh Đồng Nai (Q01007D) và sâu nhất là -20,44m tại xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai (QNoll).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 tầng (B/n-q)

f) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại công trình Q223060 thuộc xã Bù Đẳng, tỉnh Đồng Nai mực nước trung bình tháng 3 hạ 0,19m so với tháng 02.

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng 3

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước thông báo (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
<b>I</b>	<b>Tầng chứa nước qh</b>				
1	Q014020	xã Đại Phước	-1,64	-1,91	-1,79
<b>II</b>	<b>Tầng chứa nước qp<sub>2-3</sub></b>				
1	Q014340	xã Đại Phước	-1,81	-2,19	-1,98
2	Q039030M1	xã Nhơn Trạch	-12,96	-13,08	-13,01
<b>III</b>	<b>Tầng chứa nước qp<sub>1</sub></b>				

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước thông báo (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
1	Q039340M1	xã Nhơn Trạch	-13,20	-13,28	-13,24
2	Q040020	xã Long Thành	-2,24	-2,45	-2,34
<b>IV</b>	<b>Tầng chứa nước n<sub>2</sub><sup>2</sup></b>				
1	Q223040	xã Bù Đẳng	-3,74	-4,02	-3,87
2	Q040040M1	xã Long Thành	-4,58	-4,73	-4,65
3	Q714040	xã Long Thành	-9,14	-9,25	-9,20
<b>V</b>	<b>Tầng chứa nước B/n-q</b>				
1	Q710070	xã Bàu Hàm	-8,46	-9,31	-8,93
2	Q71207ZM1	Phường Xuân Lập	-14,15	-15,54	-14,96
3	Q71207T	Phường Xuân Lập	-5,83	-6,02	-5,93
4	QNoII	xã Dầu Giây	-20,18	-20,67	-20,43
5	Q01007D	xã Bàu Hàm	-4,20	-4,54	-4,35
<b>VI</b>	<b>Tầng chứa nước ps-ms</b>				
1	Q223060	xã Bù Đẳng	-3,89	-4,09	-4,00

Tại điểm lộ Q038030 (xã Nhơn Trạch) thuộc tầng chứa nước qp1, lưu lượng trung bình tháng là 5,24 l/s, lưu lượng nhỏ nhất là 5,02 l/s và lưu lượng lớn nhất là 5,41 l/s.

### 1.2.3. Chất lượng nước dưới đất

#### a) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

#### b) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp<sub>2-3</sub>)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt đến lợ. Đa số các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên chỉ tiêu Mn vượt lớn nhất tại công trình Q014030 (xã Đại Phước).

#### c) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp<sub>1</sub>)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt đến lợ. Đa số các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên chỉ tiêu NH<sub>4</sub><sup>+</sup> vượt tại công trình Q040020 (xã Long Thành).

#### d) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n<sub>2</sub><sup>2</sup>)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

e) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan (B/n-q)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

f) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms)

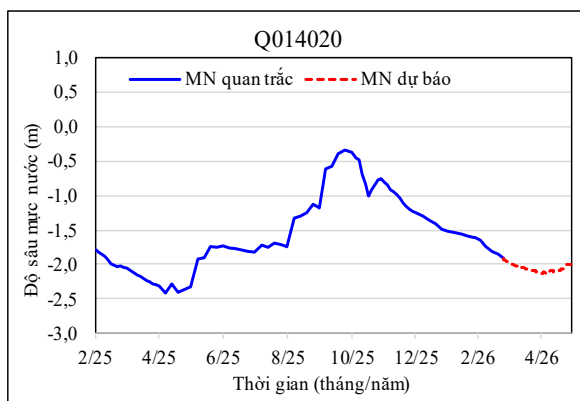
Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

## II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

### 2.1. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

#### 2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Trong tháng 4 và tháng 5 mực nước tại đa số các công trình có xu thế hạ dao động trong khoảng 0,2 đến 0,5m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q014020 như sau:

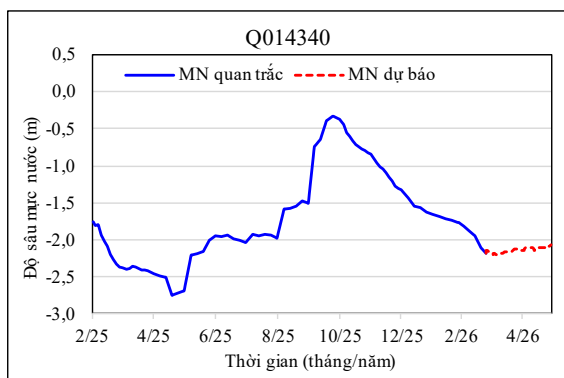


a) xã Đại Phước (Q014020)

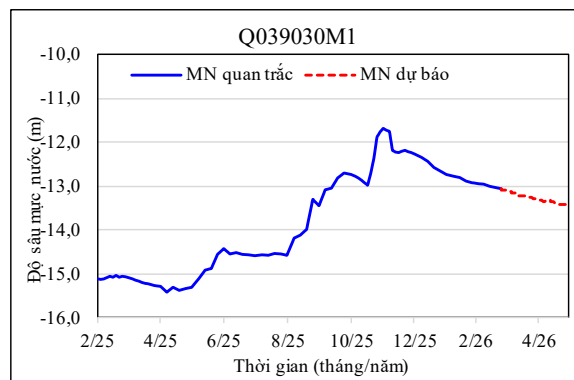
Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

#### 2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp2-3)

Trong tháng 4 và tháng 5 mực nước tại đa số các công trình có xu thế hạ dao động trong khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) xã Đại Phước (Q014340)

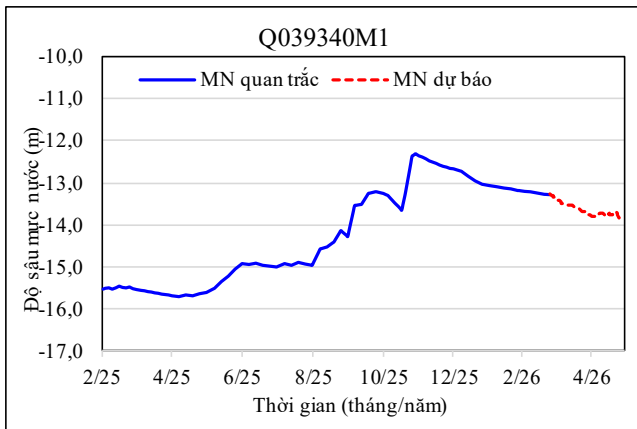


b) xã Nhơn Trạch (Q039030M1)

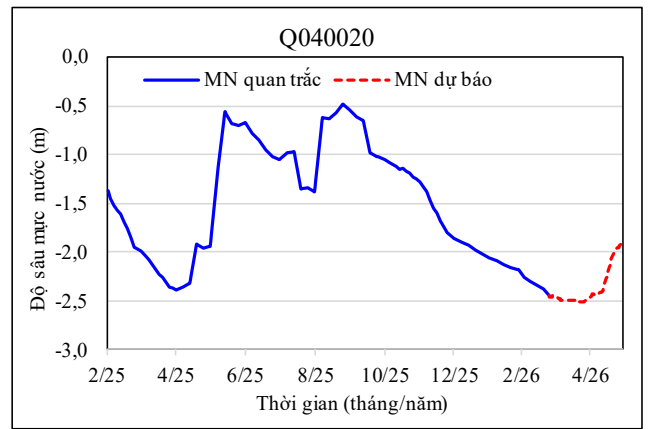
Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

### 2.1.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới ( $qp_1$ )

Trong tháng 4 và tháng 5 mực nước tại đa số các công trình có xu thế dâng dao động trong khoảng 0,2 đến 0,5m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:

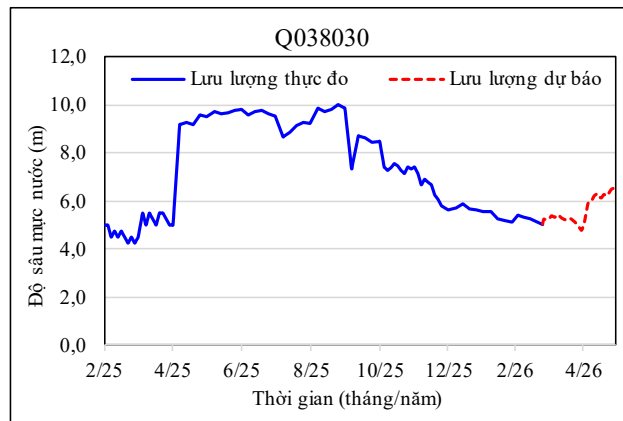


a) xã Nhơn Trạch (Q039340M1)



b) xã Long Thành (Q040020)

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước tầng  $qp_1$

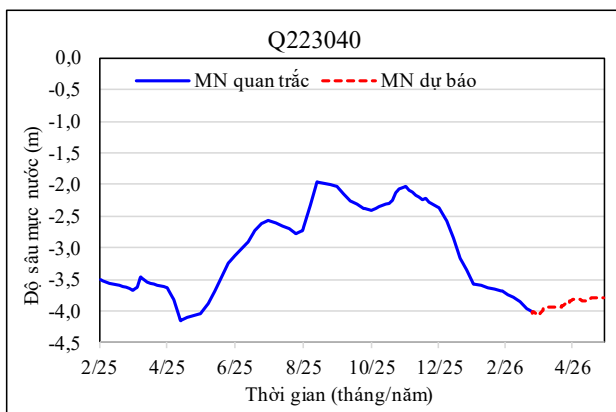


xã Nhơn Trạch (Q038030)

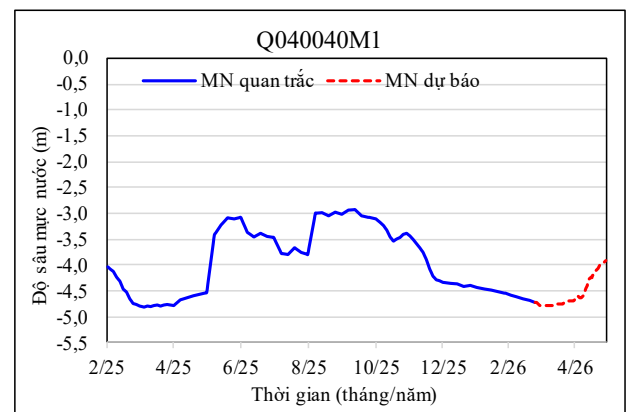
Hình 8. Dự báo lưu lượng điểm lộ (l/s) tại công trình Q038030 của tầng  $qp_1$

### 2.1.4. Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa ( $n_2^2$ )

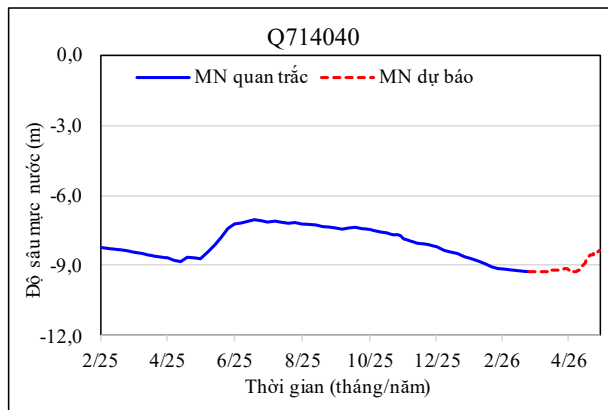
Trong tháng 4 và tháng 5 mực nước tại đa số các công trình có xu thế dâng dao động trong khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) xã Bù Đăng (Q223040)



b) xã Long Thành (Q040040M1)

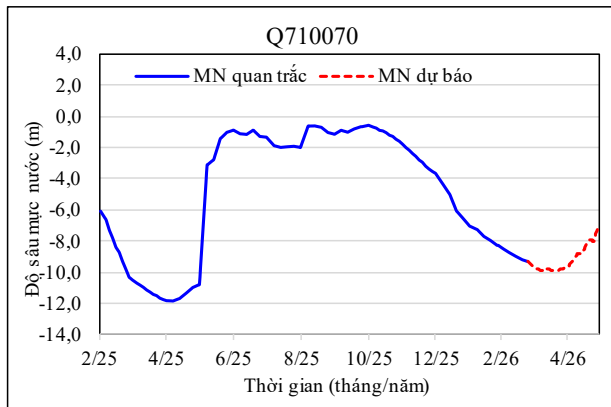


c) xã Long Thành (Q714040)

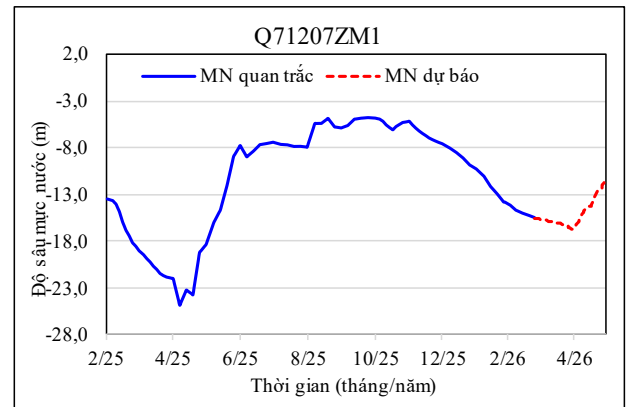
Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tầng  $n_2^2$

### 2.1.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan ( $B/n-q$ )

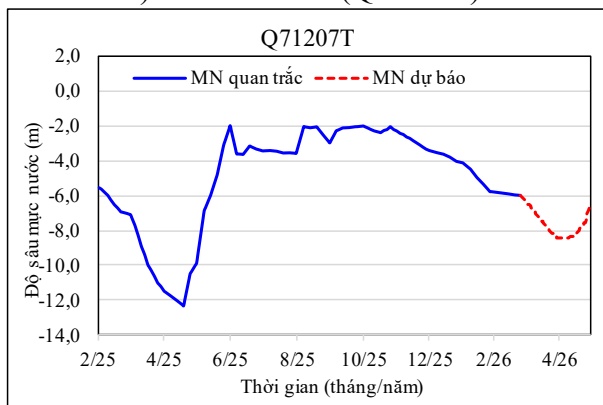
Trong tháng 4 và tháng 5 mực nước tại đa số các công trình có xu thế hạ dao động trong khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



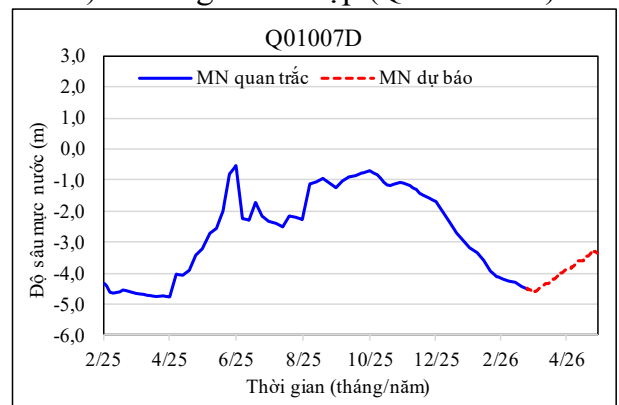
a) xã Bàu Hàm (Q710070)



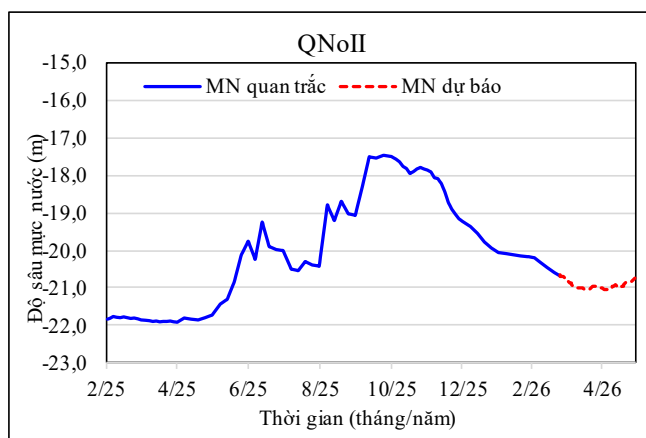
b) Phường Xuân Lập (Q71207ZM1)



c) Phường Xuân Lập (Q71207T)



d) xã Bàu Hàm (Q01007D)

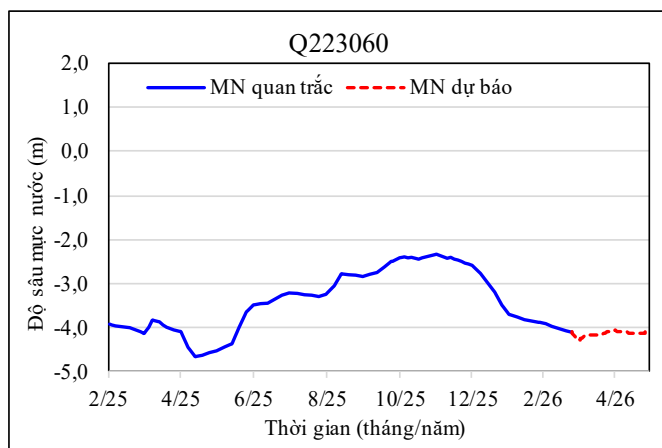


e) xã Dầu Giây (QNoII)

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng B/n-q

### 2.1.6. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms)

Trong tháng 4 và tháng 5 mực nước tại đa số các công trình có xu thế hạ dao động trong khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) xã Bù Đăng (Q223040)

Hình 11. Dự báo độ sâu mực nước tầng ps-ms

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2026

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
<b>I</b>	<b>Tầng chứa nước qh</b>					
1	Q014020	xã Đại Phước	-1,99	-2,12	-2,07	04/05/2026
<b>II</b>	<b>Tầng chứa nước qp<sub>2-3</sub></b>					
1	Q014340	xã Đại Phước	-2,08	-2,21	-2,14	06/04/2026
2	Q039030M1	xã Nhơn Trạch	-13,12	-13,42	-13,30	22/05/2026
<b>III</b>	<b>Tầng chứa nước qp<sub>1</sub></b>					
1	Q039340M1	xã Nhơn Trạch	-13,41	-13,83	-13,68	24/05/2026
2	Q040020	xã Long Thành	-1,91	-2,52	-2,36	23/04/2026
<b>IV</b>	<b>Tầng chứa nước n<sub>2</sub><sup>2</sup></b>					

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
1	Q223040	xã Bù Đăng	-3,79	-4,04	-3,87	01/04/2026
2	Q040040M1	xã Long Thành	-3,93	-4,80	-4,53	06/04/2026
3	Q714040	xã Long Thành	-8,35	-9,28	-9,05	05/04/2026
<b>V</b>	<b>Tầng chứa nước B/n-q</b>					
1	Q710070	xã Bàu Hàm	-7,06	-9,91	-9,17	06/04/2026
2	Q71207ZM1	Phường Xuân Lập	-11,51	-16,75	-15,12	28/04/2026
3	Q71207T	Phường Xuân Lập	-6,47	-8,47	-7,78	30/04/2026
4	QNoII	xã Dầu Giây	-20,74	-21,06	-20,96	03/05/2026
5	Q01007D	xã Bàu Hàm	-3,27	-4,59	-3,92	01/04/2026
<b>VI</b>	<b>Tầng chứa nước ps-ms</b>					
1	Q223060	xã Bù Đăng	-4,07	-4,26	-4,13	01/04/2026

Dự báo lưu lượng trung bình tháng của điểm lộ tại công trình Q038030 trong tháng 4 năm 2026 trong khoảng 4,76 đến 6,63 l/s.

## 2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Nhìn chung mực nước dưới đất trung bình tháng 3 so với tháng trước có xu thế hạ tại hầu hết các tầng chứa nước.

Dự báo mực nước dưới đất tháng 4 so với mực nước quan trắc tháng 3 có xu thế hạ tại hầu hết các tầng chứa nước, riêng tầng chứa nước  $qp_1$ ,  $n_2^2$  có xu thế dâng.

## 2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo khoản 18 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất (từ 50% so mực nước hạ thấp cho phép trở lên), trong tình hình hiện tại có 3 công trình có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo (xem bảng sau). Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác quanh khu vực này.

Trong tình hình hiện tại có 3 công trình có độ sâu mực nước vượt quá 50% ngưỡng giới hạn cho phép (GHCP).

Bảng 3. Cảnh báo mực nước trung bình tháng 3

STT	SHLK	TCN	Vị trí	Độ sâu mực nước (m)	Ngưỡng GHCP (m)	% ngưỡng GHCP
1	Q223040	$n_2^2$	xã Bù Đăng	-3,88	-6,5	59,69
2	Q039340M1	$qp_1$	xã Nhơn Trạch	-13,24	-26,2	50,53
3	Q039030M1	$qp_{2-3}$	xã Nhơn Trạch	-13,02	-10	130,16

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương và các tổ chức, cá nhân có khai thác sử dụng nguồn nước dưới đất tiếp tục theo dõi và có các biện pháp,

kế hoạch khai thác phù hợp đối với các khu vực có độ sâu mực nước vượt ngưỡng cho phép đặc biệt là tại các khu vực xã Bù Đăng, xã Nhơn Trạch.

Nhìn chung chất lượng nước tại các tầng chứa nước trên địa bàn tỉnh trong mùa mưa năm 2025 đa số tốt, tuy nhiên có một số công trình có hàm lượng  $\text{NH}_4^+$ , Mn vượt GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT.

Một số khu vực đáng chú ý gồm:

- Tầng qp<sub>2-3</sub> (Pleistocene trên): chỉ tiêu Mn vượt tại công trình Q014030 (xã Đại Phước).
- Tầng qp<sub>1</sub> (Pleistocene dưới): chỉ tiêu  $\text{NH}_4^+$  vượt tại công trình Q040020 (xã Long Thành).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

*Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:*

*Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.*

*Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.*

*Email: ttqhdtnnqg\_bkth@mae.gov.vn*

*Bản tin được đăng tải tại Website: [nawapi.gov.vn](http://nawapi.gov.vn); [cewafogov.vn](http://cewafogov.vn)*

**PHỤ LỤC**  
**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate ( $\text{NO}_3^-$ tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni ( $\text{NH}_4^+$ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo $\text{CaCO}_3$ )	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite ( $\text{NO}_2^-$ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride ( $\text{F}^-$ )	mg/l	1
	11	Sulfate ( $\text{SO}_4^{2-}$ )	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide ( $\text{CN}^-$ )	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ( $\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$ )	mg/l	0,0001
	24	Lindane ( $\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$ )	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ( $\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$ )	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) ( $\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$ )	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ( $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$ )	mg/l	0,001
	28	Diazinon ( $\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$ )	mg/l	0,02
	29	Parathion ( $\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$ )	mg/l	0,06
	30	Phenol ( $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ )	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện